

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp

Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2024/TLST HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Mạc Thị E; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 21/8/1989 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Mạc Văn K (sinh năm 1956) và bà Hoàng Thị T (đã chết); Chồng: Lê Văn Đ (sinh năm 1989); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng từ ngày 21/12/2023 đến ngày 29/12/2023. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2024 đến nay. (Có mặt)

2. Lý Văn C; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 01/8/1986 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Lý Văn H (sinh năm 1954) và bà

Triệu Thị E1 (đã chết); Vợ: Nông Thị H1 (sinh năm 1996); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Đặc điểm nhân thân: 22/4/2021, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc;

Bị cáo tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng từ ngày 21/12/2023 đến ngày 29/12/2023. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2024 đến nay. (Có mặt)

3. Thang Thị T1; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 12/01/1984 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông Thang Văn C1 và bà La Thị C2 đều đã chết; Chồng: Mạc Văn L (sinh năm 1986); Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2024 đến nay. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Hà Hữu C3, sinh năm 1987; Trú tại: xóm Đ - C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt không có lý do).

2. Hà Thị K1, sinh năm 1997; Trú tại: xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Mã Văn H2, sinh năm 1988; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Hoàng Văn N, sinh năm 1991; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Lý Thị T2, sinh năm 1994; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều trú tại: xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

- Người làm chứng:

1. Hoàng Thị H3, sinh năm 1982; (Có mặt)

2. Mã Văn Đ1, sinh năm 2004; (Có mặt)

3. Hoàng Thị K2, năm 1956; (Có mặt)

4. Thang Văn C4, sinh năm 1977; (Có mặt)

5. Nông Thị N1, sinh năm 1978; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 30 ngày 19/12/2023, tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã Đ, Đồn Biên phòng Đ2 làm nhiệm vụ tại L cách đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc khoảng 500m thuộc xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt giữ 04 người gồm Nông Thị N1, sinh năm 1978, Mã Văn Đ1, sinh năm 2004, Hoàng Thị K2, sinh năm 1956, Hoàng Thị H3, sinh năm 1982 đều trú tại xóm B, xã Đ, mỗi người đang dắt 01 con trâu đực màu đen hướng ra biên giới để giao cho Trung Quốc. Cách con trâu đi sau cùng do Hoàng Thị H3 dắt có 01 con trâu đực buộc ở gốc cây. 04 người dắt trâu đều khai được Lý Văn C, sinh năm 1986 là người cùng xóm thuê dắt trâu sang biên giới giao cho người Trung Quốc để nhận tiền công mỗi người 200.000 đồng. Tổ công tác tiến hành tạm giữ 05 con trâu và đánh số thứ tự từ 1-5, tạm giữ với Nông Thị N1 01 điện thoại di động màu đen, dạng phím, nhãn hiệu Nokia.

Ngày 20/12/2023, Cơ quan điều tra tiến hành cân 05 con trâu có khối lượng 2.290 kg. Theo kết luận số 01/KL-HĐĐGTS ngày 03/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận 05 con trâu tại thời điểm 19/12/2023 có trị giá 141.980.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ với Mạc Thị E 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu OPPO, 06 quyền sở, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max, mặt lưng bị nứt vỡ; tạm giữ với Lý Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, bên trong còn gắn 02 sim của nhà mạng Viettel; tạm giữ với Lý Thị T2 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo Y36 để phục vụ công tác điều tra.

Tại cơ quan điều tra xác định được, con trâu số 1 là của Lý Thị T2, sinh năm 1994, trú tại xóm L, xã Đ, huyện T; con trâu số 2 là của Hà Thị K1, trú tại xóm H, xã Đ, huyện T; con trâu số 3 là của Mạc Thị E, sinh năm 1989, trú tại xóm H, xã Đ, huyện T; con trâu số 4 là của Hoàng Văn N, sinh năm 1991 và Mã Văn H2, sinh năm 1988 cùng trú tại xóm L, xã Đ, huyện T; con trâu số 5 của Hà Hữu C3, sinh năm 1987, trú tại xóm Đ - C, xã Đ, huyện T. Các chủ trâu đều tự mua trâu về và tự giao dịch với người quen của mình ở Trung Quốc qua ứng dụng Wechat để thực hiện việc mua bán kiếm lời. Do mỗi lần vận chuyển trâu trái phép qua biên giới giao cho người Trung Quốc cần phải gom đủ 3-5 con trâu. Nên các chủ trâu tự nhờ Mạc Thị E để E đứng ra tìm người vận chuyển trâu sang biên giới giao cho Trung Quốc, chi phí thuê người vận chuyển hết bao nhiêu sẽ trả cho Em sau. Chiều ngày 19/12/2023, Mạc Thị E gọi điện thoại cho Lý Văn C nói "Hôm nay có 5 con trâu, tìm người dắt sang Trung Quốc qua mốc 826/2". Cam hiểu là tìm người dắt 05 con trâu trái phép sang Trung Quốc và nhận lời. Khoảng 18 giờ cùng ngày, C sang nhà Thang Thị T1, sinh năm 1984 đang là tổ trưởng tổ 3 của xóm B nói cần tìm 05 người dắt trâu. T1 đồng ý. Thiên trực tiếp tìm được 05 người dắt gồm Nông Thị N1, Mã Văn Đ1, Hoàng Thị K2, Hoàng Thị H3, Thang Văn C4, sinh năm 1977 để đi dắt trâu. Khi vận chuyển trâu giao cho người Trung Quốc xong Em sẽ trả cho C mỗi con 350.000 đồng. C sẽ trả cho người dắt trâu 200.000 đồng/01 con, trả cho T1 50.000 đồng công tìm người dắt.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Mạc Thị E thuê xe vận chuyển 04 con trâu từ chuồng của mình đến nhà Lý Văn C và gọi cho Hoàng Văn N dắt trâu của N sang nhà C. Sau đó, Lý Văn C nhờ vợ là Nông Thị Hoàng n dắt trâu và chỉ trâu cho những người đến dắt trâu. Sau khi 05 người được thuê nhận mỗi người 01 con trâu, dắt đi theo thứ tự là Nông Thị N1, Mã Văn Đ1, Hoàng Thị K2, Hoàng Thị H3 và đi sau cùng cách khoảng 100m là Thang Văn C4. Khi dắt đến khu vực L cách đường biên giới khoảng 300m thì bị lực lượng chức năng phát hiện, thấy vậy C4 buộc trâu ở gần đó và đi về nhà.

Lời khai các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C, Thang Thị T1 phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người làm chứng.

Ngày 10/01/2024, Cơ quan điều tra đã bán 05 con trâu được 141.980.000 đồng. Sau khi chi trả các chi phí chăm sóc, chi phí thuê cân trâu là 13.000.000 đồng còn lại 128.980.000 đồng tạm gửi Kho bạc Nhà nước huyện T đúng theo quy định.

Vật chứng còn lại của vụ án được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để đảm bảo việc xét xử vụ án.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSTK, ngày 05 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C và Thang Thị T1 về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

Bị cáo E khai: Ngày 19/12/2023, bị cáo được gọi điện cho Lý Văn C, sinh năm 1986, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) vận chuyển trái phép 05 con trâu qua biên giới sang Trung Quốc, trong đó 04 con trâu gồm: 01 con là của bị cáo, 01 con của Hà Hữu C3, sinh năm 1987, trú tại: xóm Đ - C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, 01 con của Hà Thị K1, 01 con của Lý Thị T2 đều được nuôi ở chuồng trâu nhà bị cáo. Sau khi gọi điện cho bị cáo C đồng ý vận chuyển trâu cho bị cáo bị cáo đã thuê anh T3 lái xe chở 04 con trâu đến nhà C để C vận chuyển qua biên giới cho người Trung Quốc và 01 con của Hoàng Văn N tự dắt sang nhà C. Bị cáo thuê Lý Văn C vận chuyển trái phép trâu qua biên giới sang Trung Quốc với giá 700.000đồng/02 con trâu. Tuy nhiên quá trình thực hiện hành vi đã bị cơ quan chức năng phát hiện nên bị cáo chưa trả tiền công cho anh T3 và bị cáo C. Quá trình điều tra, bị cáo bị thu giữ các tài sản gồm: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu OPPO bị cáo dùng chiếc điện thoại này để liên lạc với người Trung Quốc và bị cáo C để vận chuyển trâu, còn 06 quyển sổ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max, mặt lưng bị

nứt vỡ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả cho bị cáo để phục vụ công việc hàng ngày.

Bị cáo C khai: Ngày 19/12/2023, bị cáo được Mạc Thị E thuê vận chuyển 05 con trâu qua biên giới sang Trung Quốc, bị cáo đồng ý và gọi điện cho Thang Thị T1 là người cùng xóm B, xã Đ, huyện T là tổ trưởng tổ 3 của xóm B để nhờ tìm người dân trong tổ đi dắt trâu sang Trung Quốc và T1 đồng ý, khi có xe chở trâu đến bị cáo có nói với vợ là Nông Thị Hoàng nhận giúp và có người nào đến lấy trâu thì chỉ chỗ giúp, vợ bị cáo không biết lý do nhận trâu và chỉ chỗ lấy trâu là để làm gì. Bị cáo E hứa trả tiền công cho bị cáo là 700.000 đồng/01 cặp trâu khi đã vận chuyển xong số trâu qua biên giới giao cho người Trung Quốc, bị cáo dự định khi nhận được tiền công sẽ trả cho những người dắt trâu số tiền 200.000đ đến 215.000 cho mỗi con trâu được dắt và 50.000 đồng cho T1, số tiền còn lại bị cáo sẽ được hưởng, nay bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, trái pháp luật. Đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng thu giữ của bị cáo, bị cáo có được sử dụng ứng dụng Wechat để liên lạc với người Trung Quốc và bị cáo E.

Bị cáo T1 khai: Bị cáo thừa nhận lời khai của Bị cáo C là đúng sự thật. Bị cáo được bị cáo C sang nhà nhờ tìm 05 người dắt trâu thuê gồm Hoàng Thị H3, Mã Văn Đ1, Hoàng Thị K2 và Thang Văn C4, bị cáo và C thỏa thuận tiền công nếu dắt được trâu qua biên giới là 50.000 đồng. Mục đích vận chuyển số hàng trên sang Trung Quốc để hưởng tiền công, nay bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, trái pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Hữu C3, Hà Thị K1, Hoàng Văn N, Mã Văn H2, Lý Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra khai đều có quen biết với bị cáo E và xác nhận là chủ của 04 con trâu mà Mạc Thị E vận chuyển sang Trung Quốc mục đích là để thực hiện việc mua bán kiếm lời. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết hành vi thuê vận chuyển trâu trái phép qua biên giới để bán kiếm lời là vi phạm pháp luật nên đã bị xử phạt vi phạm hành chính và tại đơn xin xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì thêm.

- Những người làm chứng Nông Thị N1, Mã Văn Đ1, Hoàng Thị K2, Hoàng Thị H3, Thang Văn C4 đều xác nhận lời khai của bị cáo C và bị cáo T1 là đúng sự thật ngày 19/12/2023 được bị cáo C và T1 thuê dắt 05 con trâu trái phép qua biên giới sang Trung Quốc với số tiền 200.000 đồng / 01 con.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận định các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi của mình nhưng vẫn cố tình phạm tội, căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C và Thang Thị T1 phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Mạc Thị E. Xử phạt bị cáo Mạc Thị E từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lý Văn C. Xử phạt bị cáo Lý Văn C từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Thang Thị T1. Xử phạt bị cáo Thang Thị T1 từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO tạm giữ đối với Mạc Thị E; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Lý Văn C, trong máy có 02 (hai) sim điện thoại mạng Viettel số 0398.955.143 và 0972.539.732; số tiền 128.980.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Trả cho bị cáo Mạc Thị E: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu trắng, mặt lưng điện thoại đã bị nứt vỡ; 06 quyển sổ ghi chép không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Trả cho chị Lý Thị T2 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ViVo Y36, điện thoại đã qua sử dụng.

Trả cho chị Nông Thị N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia dạng bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C và Thang Thị T1 nhận tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng về thời gian, địa điểm vận chuyển hàng, biên bản vụ việc, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở để kết luận: Ngày 19/12/2023, Mạc Thị E thuê Lý Văn C vận chuyển 05 con trâu sang Trung Quốc với tiền công 350.000 đồng/con. Lý Văn C đồng ý và sang nhà nói với Thang Thị T1 tìm người dắt 05 con trâu để vận chuyển trái phép qua biên giới giao cho người Trung Quốc. Cam sẽ trả tiền công cho người dắt 200.000 đồng/con, trả cho T1 50.000 đồng. T1 đồng ý và tìm được 05 người dắt trâu. Tối ngày 19/12/2023, khi 05 người đang dắt trâu đến L, thuộc địa phận xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, cách đường biên giới khoảng 500m thì bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt giữ 05 con trâu có trị giá 141.980.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và trật tự trị an xã hội được pháp luật bảo vệ, làm xáo trộn và gây nguy hại đến nền kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường và ổn định kinh tế quốc gia, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C và Thang Thị T1 đã phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

- Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong quá trình phạm tội, các bị cáo đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của bị cáo này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của bị cáo khác. Tuy nhiên, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo E là người khởi xướng trực tiếp liên lạc với chủ trâu người Trung Quốc để vận chuyển trâu sang

biên giới, thuê bị cáo C tìm người dất trâu nên bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Lý Văn C là người được bị cáo E gọi điện thuê dất trâu để nhận tiền công và trực tiếp trao đổi với bị cáo T1 để tìm người dất trâu, đồng thời thỏa thuận để trả tiền công cho những người dất trâu và bị cáo T1 nên là đồng phạm giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo T1 chỉ là người được bị cáo C thuê tìm người dất trâu để nhận 50.000 đồng tiền công khi những người dất trâu đã dất được sang biên giới giao cho người Trung Quốc nên bị cáo là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu nhất trong vụ án.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C và Thang Thị T1 đều thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra, đối với bị cáo Lý Văn C còn tích cực hợp tác với Cơ quan Điều tra để phát hiện thêm đồng phạm mới, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo Mạc Thị E và Thang Thị T1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; đối với bị cáo Lý Văn C, ngày 22/4/2021, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt chính: Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, riêng bị cáo E đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh số tiền 50.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án; Tại phiên tòa bị cáo C cũng xác nhận đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền. Ngoài ra mục đích phạm tội của các bị cáo cũng chỉ vì lợi nhuận. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, có điều kiện để thi hành án trong trường hợp bị phạt tiền nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tiền là hình phạt chính theo điều luật đã quy định là có căn cứ, vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và có tác dụng răn đe đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Xét mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

Đối với bị cáo Thang Thị T1: Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt tù từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy,

hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị gây bất lợi nhất cho bị cáo T1, không đảm bảo tính công bằng giữa các bị cáo trong cùng vụ án. Bởi lẽ trong vụ án này bị cáo T1 là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu nhất trong vụ án, bị cáo phạm tội chỉ vì nhận lời bị cáo C tìm giúp 05 người để đi dất trâu và nhận 50.000 đồng tiền công khi đã vận chuyển thành công số trâu sang biên giới để giao cho người Trung Quốc. Tuy gia đình bị cáo thuộc diện gia đình khó khăn, nhưng mức khởi điểm phạt tiền của khung hình phạt là không lớn, chỉ 20.000.000đ. Ngoài ra, trong vụ án này bị cáo là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu nhất trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, đủ điều kiện để Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 để xử dưới dưới khung cho bị cáo, đảm bảo cho bị cáo đủ khả năng để thi hành hình phạt tiền trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra, mục đích phạm tội cũng chỉ vì lợi nhuận 50.000đ tiền công, nên cần phạt về kinh tế mới có tác dụng răn đe đối với bị cáo, hình phạt này vừa để hiện được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, vừa đảm bảo tính công bằng giữa các bị cáo trong cùng một vụ án. Do đó hình phạt tù cho hưởng án treo mà Kiểm sát viên đề nghị không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C, Thang Thị T1 đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[7] Các nhận định khác:

Đối với các chủ trâu Hà Hữu C3, Hà Thị K1, Hoàng Văn N, Mã Văn H2, Lý Thị T2 thuê vận chuyển trâu trái phép qua biên giới để bán kiếm lời. Tuy nhiên, giá trị của mỗi con trâu chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền mỗi người 12.500.000 đồng về hành vi vi phạm quy định về mua bán hàng ở khu vực biên giới là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nông Thị N1, Mã Văn Đ1, Hoàng Thị K2, Hoàng Thị H3, Thang Văn C4 vận chuyển trái phép trâu qua biên giới để nhận tiền công, giá trị của mỗi con trâu chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền mỗi người 7.500.000 đồng về hành vi vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nông Thị H1 khi được chồng Lý Văn C nhờ nhận trâu giúp và chỉ chỗ cho người lấy trâu không biết việc C thuê vận chuyển trâu đi đâu, làm gì nên cơ quan điều tra không xử lý ở vụ án này là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO tạm giữ đối với Mạc Thị E và 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm

ứng tạm giữ đối với Lý Văn C, trong máy có 02 (hai) sim điện thoại mạng Viettel số 0398.955.143 và 0972.539.732; 02 chiếc điện thoại này bị cáo E và C sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 128.980.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), đây là số tiền bán chỉ định số trâu là vật chứng của vụ án nên cần sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định.

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu trắng, mặt lưng điện thoại đã bị nứt vỡ; 06 quyển sổ ghi chép thu giữ đối với bị cáo Mạc Thị E quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ViVo Y36, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ đối với chị Lý Thị T2 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia dạng bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của chị Nông Thị N1, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho chị T2 và chị N1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C và Thang Thị T1 phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Mạc Thị E. Xử phạt bị cáo Mạc Thị E số tiền 60.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo E đã nộp 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nay bị cáo E còn phải thi hành số tiền là 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lý Văn C. Xử phạt bị cáo Lý Văn C số tiền 50.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Thang Thị T1. Xử phạt bị cáo Thang Thị T1 15.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, màu đen tạm giữ đối với Mạc Thị E, số IMEI1: 868740216358749, số IMEI 2: 868740216358756 điện thoại đã qua sử dụng;

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Lý Văn C số IMEI 1: 354565117162879/01, số IMEI 2: 354566117162877/01, điện thoại gắn 02 sim điện thoại mạng Viettel số: 0398.955.143 và 0972.539.732;

- Số tiền 128.980.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Trả cho chị Lý Thị T2, trú tại: xóm L, xã Đ, huyện T 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu ViVi Y36, số IMEI 1: 864983066756273, số IMEI 2: 864983066756265.

Trả cho chị Nông Thị N1, trú tại: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng 01 điện thoại di động dạng bàn phím, số sê-ri 1: 352876108801181, số sê-ri 2: 352876109801180.

Trả cho bị cáo Mạc Thị E 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu: IPHONE XS MAX, màu trắng, mặt lưng điện thoại bị nứt vỡ, số IMEI1: 353100102937811, số IMEI2: 3531001028988703, điện thoại đã qua sử dụng; 06 quyền sở ghi chép (trong đó: 02 quyền sở có nội dung ghi chép bên trong có liên quan đến quá trình mua bán hàng hóa; 01 quyền sở bìa màu đen có in chữ “BUSINESS B2”; 01 quyền sở tay không có bìa; 01 quyền sở tay bằng da màu xanh in chữ “BUSINESS B2”; 01 quyền sở tay bằng da màu xanh có chữ viết “Đồng” bằng mực màu trắng.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2024.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Mạc Thị E, Lý Văn C và Thang Thị T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã (*bằng TB*);
- Bị cáo;
- Người CQLVNVLQ;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Hoài